

Số: 170 /BC-SYT

Bình Dương, ngày 18 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Đánh giá cấp độ dịch Covid-19 quy mô cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương
(Tính đến 18g00' ngày 17/11/2021)

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành quy định tạm thời “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của chính phủ ban hành quy định tạm thời “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”;

Thực hiện Công văn số 5209/UBND-VX ngày 14/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế,

Trên cơ sở kết quả đánh giá của các huyện, thị xã, thành phố, Sở Y tế tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá cấp độ dịch Covid-19 quy mô cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương tính đến ngày 17/11/2021 như sau:

STT	Huyện/tx/tp	Cấp độ dịch theo xã/phường		
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3
1	Thủ Dầu Một	0	0	14
2	Thuận An	2	8	0
3	Dĩ An	3	4	0
4	Tân Uyên	3	9	0
5	Bến Cát	2	2	4
6	Bàu Bàng	2	4	1
7	Bắc Tân Uyên	1	7	2
8	Phú Giáo	7	4	0
9	Dầu Tiếng	2	6	4
Tổng		22	44	25

(Đính kèm Phụ lục đánh giá chi tiết)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Sở Y tế các tỉnh/Tp;
- BCĐ Covid-19 tỉnh;
- UBND các huyện, Tx, Tp;
- BGĐ SYT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, NVY.



Nguyễn Hồng Chương



**CẤP ĐỘ DỊCH COVID-19 QUY MÔ CẤP XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**
(Kèm theo Báo cáo số 170/BC-SYT ngày 18/11/2021 của Sở Y tế)

* **Tiêu chí 2:** Từ Tháng 11/2021, tỉnh Bình Dương đạt > 80% người từ 50 tuổi trở lên được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

* **Tiêu chí 3:** tất cả các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Dương đều đạt.

Kết hợp các Tiêu chí 1, 2 và 3 kết quả cấp độ dịch tại 91 xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

STT	Xã/Phường/thị trấn	Dân số	Số ca mắc mới cộng đồng 14 ngày	Số ca mắc mới cộng đồng/100.000 dân/tuần	Cấp độ dịch
I. Tp. Thủ Dầu Một					
1.	Phường Hiệp Thành	33918	174	257	3
2.	Phường Phú Lợi	39808	178	224	3
3.	Phường Phú Cường	25552	131	256	3
4.	Phường Phú Hòa	34694	150	216	3
5.	Phường Phú Thọ	21491	123	286	3
6.	Phường Chánh Nghĩa	26701	172	322	3
7.	Phường Định Hòa	16597	255	768	3
8.	Phường Hòa Phú	36745	282	384	3
9.	Phường Phú Mỹ	25459	223	438	3
10.	Phường Phú Tân	16135	192	595	3
11.	Phường Tân An	15602	69	221	3
12.	Phường Hiệp An	16713	112	335	3
13.	Phường Tương Bình Hiệp	16188	75	232	3
14.	Phường Chánh Mỹ	11102	36	162	3
II. Tp. Thuận An					
1.	Phường An Thạnh	34627	74	107	2
2.	Phường Lái Thiêu	60280	77	64	2
3.	Phường Bình Chuẩn	101840	294	144	2
4.	Phường Thuận Giao	105322	293	139	2
5.	Phường An Phú	120376	212	88	2
6.	Phường Hưng Định	15623	28	90	2
7.	Xã An Sơn	11874	9	38	1
8.	Phường Bình Nhâm	24029	18	37	1
9.	Phường Bình Hòa	111214	301	135	2
10.	Phường Vĩnh Phú	33799	57	84	2

III. Tp. Dĩ An					
1.	Phường Dĩ An	115116	184	80	2
2.	Phường Tân Bình	60901	32	26	1
3.	Phường Tân Đông Hiệp	101320	112	55	2
4.	Phường Bình An	33727	97	144	2
5.	Phường Bình Thắng	17295	12	35	1
6.	Phường Đông Hòa	64629	42	32	1
7.	Phường An Bình	70035	83	59	2
IV. Tx. Tân Uyên					
1.	Phường Uyên Hưng	52873	70	66	2
2.	Phường Tân Phước Khánh	62778	93	74	2
3.	Phường Vĩnh Tân	26820	26	48	1
4.	Phường Hội Nghĩa	44859	87	97	2
5.	Phường Tân Hiệp	59391	70	59	2
6.	Phường Khánh Bình	78586	130	83	2
7.	Phường Phú Chánh	42430	42	49	1
8.	Xã Bạch Đằng	7421	16	108	2
9.	Phường Tân Vĩnh Hiệp	50666	43	42	1
10.	Phường Thạnh Phước	12339	21	85	2
11.	Xã Thạnh Hội	4472	6	67	2
12.	Phường Thái Hòa	63163	121	96	2
V. Tx. Bến Cát					
1.	Phường Mỹ Phước	86103	38	22	1
2.	Phường Chánh Phú Hòa	28012	27	48	1
3.	Xã An Điền	24186	32	66	2
4.	Xã An Tây	41394	244	295	3
5.	Phường Thới Hòa	82252	403	245	3
6.	Phường Hòa Lợi	39414	217	275	3
7.	Phường Tân Định	38197	194	254	3
8.	Xã Phú An	16105	40	124	2
VI. Huyện Bàu Bàng					
1.	Xã Trù Văn Thố	12719	6	24	1
2.	Xã Cây Trường	6484	9	69	2
3.	Thị trấn Lai Uyên	39688	86	108	2
4.	Xã Tân Hưng	9770	12	61	2
5.	Xã Long Nguyên	18385	34	92	2
6.	Xã Hưng Hòa	9855	7	36	1
7.	Xã Lai Hưng	17495	64	183	3
VII. Huyện Bắc Tân Uyên					
1.	Xã Tân Định	7646	1	7	1
2.	Xã Bình Mỹ	11343	48	212	3
3.	Thị trấn Tân Bình	10428	50	240	3
4.	Xã Tân Lập	3862	11	142	2
5.	Thị trấn Tân Thành	7809	15	96	2
6.	Xã Đất Cuốc	9961	13	65	2
7.	Xã Hiếu Liêm	3300	4	61	2

8.	Xã Lạc An	9765	28	143	2
9.	Xã Tân Mỹ	9531	18	94	2
10.	Xã Thường Tân	6805	20	147	2
VIII. Huyện Phú Giáo					
1.	Thị trấn Phước Vĩnh	15082	28	93	2
2.	Xã An Linh	5077	5	49	1
3.	Xã Phước Sang	3691	1	14	1
4.	Xã An Thái	4542	2	22	1
5.	Xã An Long	2877	0	0	1
6.	Xã An Bình	17132	3	9	1
7.	Xã Tân Hiệp	5401	1	9	1
8.	Xã Tam Lập	3393	5	74	2
9.	Xã Tân Long	7691	13	85	2
10.	Xã Vĩnh Hòa	15129	30	99	2
11.	Xã Phước Hòa	15418	7	23	1
IX. Huyện Dầu Tiếng					
1.	Thị trấn Dầu Tiếng	22184	56	126	2
2.	Xã Minh Hòa	9456	23	122	2
3.	Xã Minh Thạnh	10001	12	60	2
4.	Xã Minh Tân	7505	2	13	1
5.	Xã Định An	7117	5	35	1
6.	Xã Long Hòa	12078	34	141	2
7.	Xã Định Thành	3854	8	104	2
8.	Xã Định Hiệp	7842	24	153	3
9.	Xã An Lập	8224	212	1289	3
10.	Xã Long Tân	6972	25	179	3
11.	Xã Thanh An	11780	22	93	2
12.	Xã Thanh Tuyền	16893	100	296	3